

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-02-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung

Ông Nguyễn Ngọc Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:** Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 433/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 20, tổ 7, ấp A, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 135, tổ 6, khu 14, xã L1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương có mặt tại phiên tòa*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:**

Tôi và ông N tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã L1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyển số 01 ngày 18/4/2013.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ khi sinh đứa con đầu tiên từ cuối năm 2013 thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau. Sau đó chúng tôi ly thân được 02 năm thì quay lại chung sống với nhau. Sau khi sinh đứa con thứ hai thì vợ chồng tiếp tục phát sinh

mâu thuẫn, ông N ham chơi lười lao động, không lo cho gia đình, không yêu thương con cái, đánh bài, sử dụng ma túy phải đi cai nghiện. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai bên có những bất đồng mà không thể giải quyết được, chúng tôi tiếp tục sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông N, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông N.

Về con chung: Tôi và ông N có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N1 – sinh ngày 30/11/2013, Nguyễn Hoàng N2 – sinh ngày 29/10/2016. Từ khi tôi và ông N ly thân đến nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông N không phụ giúp gì, nguyện vọng của các con cũng muốn ở với tôi; nên ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả 02 con chung. Không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm công nhân tại Công ty TNHH Olympus thu nhập hàng tháng khoảng 10 triệu đồng, ngoài ra thu nhập từ công việc MC đám cưới cuối tuần khoảng 08 triệu đồng/tháng, nên tôi đủ điều kiện về tài chính để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Giữa tôi và bà H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L1. Quá trình chung sống từ năm 2013 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ tôi và mẹ tôi không hoà thuận, khi thấy bà H và mẹ tôi cãi nhau thì tôi có đánh bà H nhưng không gây thương tích nặng. Sau khi xảy ra mâu thuẫn như vậy thì bà H đã dẫn con về nhà mẹ ruột tại xã L để sinh sống. Năm 2014 bà H có nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn. Đến năm 2016 vợ chồng quay lại với nhau và sinh con thứ hai. Sau khi sinh con thứ hai được khoảng hai tháng thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi làm tài xế thu nhập không ổn định nên vợ chồng cãi vã nhau. Từ khi xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016 thì vợ chồng không chung sống với nhau. Nay tôi xác định không còn tình cảm với bà H, bà H xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Tôi và bà H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N1 – sinh ngày 30/11/2013, Nguyễn Hoàng N2 – sinh ngày 29/10/2016. Từ năm 2016 đến nay cả hai con chung đang do bà H nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Từ năm 2016 đến nay tôi có thăm con 02 lần, do vợ không tạo điều kiện nên tôi không đến thăm con lần nào nữa. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng N1, tự nguyện giao con chung Nguyễn Hoàng N2 cho bà H nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm công nhân tại Công ty Vedan, thu nhập hàng tháng khoảng 8.100.000 đồng, nhưng tôi không có chứng cứ chứng minh thu nhập để cung cấp cho Toà án; ngoài ra tôi không còn chứng cứ nào chứng minh về điều kiện nuôi con để giao nộp cho Toà án.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

+ Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Hoàng N1 – sinh ngày 30/11/2013, Nguyễn Hoàng N2 – sinh ngày 29/10/2016 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Hoàng N tự nguyện đăng ký kết hôn, UBND xã L1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 quyển số 01 ngày 18/4/2013. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn Hoàng N là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông N là trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rất nghiêm trọng trong cuộc sống; hai người đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Bị đơn ông N thừa nhận tình trạng hôn nhân của hai giữa ông và bà H là trầm trọng, hai người đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau, bà H và ông N đều có nguyện vọng ly hôn; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có nguyện vọng xin ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

[3.2] Về con chung:

Bà H và ông N có là Nguyễn Hoàng N1 – sinh ngày 30/11/2013, Nguyễn Hoàng N2 – sinh ngày 29/10/2016.

Theo sự trình bày thống nhất của bà H, ông N thì từ khi bà H và ông N sống ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Cả 02 con chung đều đang phát triển tốt và đang ổn định cuộc sống. Bà H cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng khoảng 18 triệu đồng. Con chung Nguyễn Hoàng N1 có nguyện vọng được sống với bà H.

Đối với ông N trình bày từ năm 2013 đến nay ông chỉ phụ giúp bà H nuôi con được 02 lần với tổng số tiền khoảng 4.800.000 đồng, từ năm 2016 đến nay chỉ thăm con được 02 lần. Ông N cũng xác định ông có nghiện ma túy, vào năm 2019 có đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra ông N không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì về điều kiện nuôi con. Như vậy xác định bà H đủ điều kiện nuôi cả 02 con chung, 02 con chung tiếp tục tiếp tục sống với mẹ là tốt nhất cho cuộc sống và sự phát triển cho con chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét quyết định giao cả 02 con chung Nguyễn Hoàng N1, Nguyễn Hoàng N2 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là tốt hơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên tạm thời ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H, ông N đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H, ông N đều xác định không có nợ chung; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng N1 – sinh ngày 30/11/2013, Nguyễn Hoàng N2 – sinh ngày 29/10/2016 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hoàng N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà H nộp, theo Biên lai thu số 0005351 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà H phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Phước Bình;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**





